

第 13 課

読み物1: 私と先生 TÔI VÀ THẦY GIÁO

あらゆる感性かんせいを育ててくれたのは故郷こきょうの四季だっている。

終戦しゅうせんの時、私は小学校の一年生でした。校舎こうしゃが足りず、青空教室あおぞらで勉強しました。

印象に残っているのが、菊池先生きくちとって、小学校四年と五年の時の担任だった女の先生です。

小さい、二十代の優しい先生でした。もんぺ姿だったかなあ、よく僕んちの前を通りかかると、中をのぞいては声をかけてくれたものです。

暮れなずむ秋の夕暮れゆうぐ。その景色を作文に書いたことがある。だんだん日が落ち、辺りあたが紫色むらさきから、だいたい色いろに変わっていく夕餉ゆうげの煙けむりも。暗くなるにつれて刻一刻こくいっこくわる自然描写びようしやをした。「細かく観察して、よく書いています」と、先生はものすごくほめてくれたんです。丸坊主まるぼうずの頭をなでてくれた手は温かった。今でも思い出します。

Vào cuối chiến tranh thế giới thứ II, tôi còn là học sinh lớp 1. Do không có đủ lớp học nên chúng tôi đã học ở ngoài trời. Cô giáo đã để lại ấn tượng với tôi nhất đó chính là cô giáo chủ nhiệm năm lớp 4 và lớp 5 có tên là Kikuchi. Cô giáo ở tuổi đôi mươi và có dáng người nhỏ. Cô rất hay mặc kiểu quần thụng monpe và khi cô đi ngang qua, cô thường ghé nhìn vào bên trong và cất tiếng gọi chúng tôi. Tôi đã từng viết bài văn về cảnh chiều tà mùa thu khi ánh hoàng hôn dần buông xuống. Bài viết miêu tả quang cảnh mặt trời đang dần lặn xuống, khung cảnh như được sắc tím nhuộm màu và dần biến đổi sang màu khói của bữa cơm chiều. Bầu trời tối dần và quang cảnh tự nhiên cũng đang dần biến đổi từng giờ từng phút. Cô giáo đã khen tôi hết mức rằng “em đã quan sát rất kỹ và viết rất chi tiết nhỉ”. Cho đến tận bây giờ tôi vẫn nhớ bàn tay ấm áp mà cô đã xoa chiếc đầu trọc của tôi.

勝手なもので、ほめられたことしか覚えていませんね。それで文章を書くことに興味を持った。教室でよく作文を読み上げられ、「それじゃあ、小説家になろう」というのが、僕の夢になった。

中学に進んでから、いたずらをして両手にバケツを持ったまま、立たされたことがある。怒られただけで、その先生から何かを得たという印象はないですね。

高校を出て上京じょうきょうし、マンガ家になるために手塚治虫先生てづかおさむのところへ行った。最初に「君はコスモポリタンだね」と言われたんです。どこの国に出しても通じる、という意味の最大のほめ言葉でした。

Vì hơi ích kỷ nên tôi chỉ ghi nhớ những câu chuyện mà mình được khen ngợi thôi. Đó chính là lý do mà tôi đã có hứng thú viết văn. Bài văn đó rất hay được các bạn đọc ở trên lớp và từ đó tôi đã mang theo giấc mơ trở thành tiểu thuyết gia. Sau khi học lên cấp hai, tôi vẫn rất nghịch ngợm nên đã có lúc bị phạt: đứng và hai tay xách hai xô nước. Khi ấy, ngoài việc rất tức giận thì tôi không còn nhớ gì khác về thái độ của các

thầy cô lúc đó cả. Sau khi tốt nghiệp cấp ba, tôi lên Tokyo với mong ước trở thành nhà viết truyện tranh. Tôi đã tới nhà thầy Tezuka Osamu. Ban đầu tôi được thầy nói rằng “Em đúng là người quốc tế hoá nhỉ” Và đó là lời khen ngợi rất lớn với tôi, lời khen ấy có ý nghĩa là dù có đi tới nước nào em cũng có thể hoà nhập và sống tốt.

僕は田舎から出て来たばかりで、東北なまりが気になり、コンプレックスを持っていたけど、それを全部ひっくり返してくれた。もうひとつ、僕にとっての先生というのは、四季の移り変わりだったのではないかな。僕んちのそばに、ちっちゃい小川が流れていた。春はメダカとかフナとか、ナマズもいた。秋になると落ち葉が流れて来て、ものすごくきれいなんです。冬は氷が張り、竹を割ってスケートを作ってすべったりした。学校の帰りがけに見た、渡り鳥が横一列になって飛んで行く光景も思い出します。心の中で「しっかり飛んで行けよ」とはげましていたんでしょね。自然の厳しさとか、相手に対する思いやりとか、そういった自然とのふれあいで、子供は育って行くんじゃないかなあ。あらゆる感性を育ててくれたのは、故郷の四季だと思っている。菊池先生は野山を駆けまわる子供の姿を温かく見つめていてくれたのだと思います。あの人を含めた故郷全体が僕の先生だったということかなあ。

Nhờ lời khen đó đã giúp tôi thay đổi hoàn toàn một cái “tôi” vừa mới từ quê ra, hay mặc cảm và vẫn còn giữ nguyên giọng Tohoku.

Và đối với tôi, còn có một người thầy đó có lẽ là sự thay đổi qua từng mùa. Khi đó, ở ngay bên cạnh nhà tôi có một con sông chảy qua. Vào mùa xuân có cá cơm, cá chép, cá trê. Vào mùa thu, lá vàng rơi rất là đẹp. Vào mùa đông, sông đóng băng, chúng tôi chặt tre để làm giày trượt băng trên bề mặt băng đó. Tôi nhớ tới quang cảnh trên đường từ trường về nhà, đàn chim xếp thành hàng ngang và rải cánh bay tìm chỗ trú ẩn. Phải chăng sâu thẳm trong tâm hồn tôi như muốn động viên chúng rằng “hãy bay tốt nhé”. Có lẽ rằng tuổi thơ của tôi được nuôi dưỡng bởi những điều như: sự khắc nghiệt của thiên nhiên, việc quan tâm tới người đối diện, và mối liên hệ với tự nhiên. Nói cách khác, sự thay đổi qua 4 mùa ở quê tôi đã nuôi dưỡng những xúc cảm đó trong tôi. Và cô Kikuchi là người đã quan sát rất kỹ lưỡng trẻ chúng tôi khi chạy khắp thung lũng và núi đồi thời ấy. Và quê hương nơi có cô Kikuchi ấy, có lẽ chính là người thầy của tôi.

『私と先生』右ノ森章太陽(著)一九九〇年一月二〇朝日新聞

“người thầy của tôi” – tác giả Uno Mori Akira Taiyou – Báo Asahi ngày 20/1/1990

読み物2: 俳句: 世界一短い詩 Haiku – Thể thơ ngắn nhất thế giới

皆さんは俳句を作ったり、鑑賞したりしたことがありますか。俳句は17の音だけで作られる世界で最も短い詩です。日本語だけでなく、色々な国の言葉で楽しまれていて、世界各国の小・中学校の教科書にも紹介されています。あまりにも一般的になってしまい、俳句がもともと日本のものだということを知らない人達さえいるほどです。皆さんの中にも小・中学校の時に、自分の国の言葉で俳句を作った人がいるのではないのでしょうか。最近では、日本語を勉強している人達が日本語で俳句を作ることも多くなりました。下に挙げたのは、アメリカの大学生が日本語の授業で作った俳句の例です。

Đã bao giờ các bạn sáng tác hay bình thơ Haiku chưa? Thơ Haiku chỉ có 17 âm và là thể thơ ngắn nhất thế giới. Không chỉ tiếng Nhật mà các bạn còn có thể thưởng thức bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau. Thơ haiku

còn được giới thiệu trong rất nhiều sách giáo khoa cấp một, cấp hai ở các nước trên thế giới. Hơn thế nữa, thơ haiku còn được phổ biến rộng rãi đến mức có những người không biết rằng thơ Haiku là của Nhật Bản. Và trong số các bạn chắc sẽ có người đã từng làm thơ Haiku bằng tiếng mẹ đẻ khi còn học ở cấp một, cấp hai. Gần đây, có nhiều người học tiếng Nhật đã tự sáng tác thơ Haiku bằng tiếng Nhật. Bên dưới chính là những ví dụ về các bài thơ haiku được sinh viên đại học Mỹ sáng tác trong giờ học tiếng Nhật.

静かだね	雪の音しか	聞こえない
子が母が	呼び合うごとく	蝉の鳴く (ごとく=ように)
秋の歌	落ちた木の葉に	書いてある
春の午後	ホームレスたら	昼寝して

どうですか。それぞれの俳句から、どんな情景が浮かんできますか。作った人のどんな気持ちを感じられますか。この俳句に詠まれている季節はいつでしょうか。自分達と同じように日本語を勉強している若い人達の俳句だと思えば、皆さんも「ちょっといい俳句」が作れるような気がしませんか。

Các bạn thấy thế nào? Qua các bài haiku đó, bạn đã tưởng tượng ra khung cảnh như thế nào? Các bạn có cảm nhận gì về cảm xúc của tác giả? Và theo các bạn mùa được nhắc tới trong bài haiku này là mùa nào? Khi nghĩ rằng đây là những bài thơ Haiku được các bạn trẻ đang học tiếng Nhật như mình sáng tác, các bạn có cảm thấy rằng mình cũng có thể sáng tác được bài thơ hay hơn không?

俳句を作るにはいくつか規則がありますが、主なものは次の三つです。
Và có 3 quy tắc chính khi làm thơ haiku như sau:

① は=はっとした感動、発見の喜び、想像の楽しさなどを詠み込む

Ha: Bài thơ hàm chứa những xúc động, hạnh phúc ngạc nhiên khi phát hiện ra điều gì mới mẻ, hay những niềm vui khi tưởng tượng về điều gì đó.

② い=いつ: 季語により四季の自然や季節感を表す

I = khi nào? Bài thơ thể hiện thiên nhiên và những cảm nhận của 4 mùa tùy theo các từ ngữ miêu tả mùa.

③ く=組み立て: 五七五の17音で表す

Ku: cấu tạo: Bài thơ có 17 âm theo nguyên tắc 575.

① の「はっとする」というのは、何かに突然気がつくとか、驚くとか、感動するといった意味のオノマトペです。

② の「いつ」を表すのは俳句を作る時の最も大切な要素で、そのために「季語」と呼ばれる季節を表す俳句独特の言葉があります。季語は俳句の中に必ず一つ入れなくては行けないという決まりがあるのですが、だいたい次の四つのカテゴリーに分類できます。括弧の中の言葉はどの季節を表していると思いますか。
Trong nguyên tắc số 1, yếu tố “ngạc nhiên” ở đây đó là các từ tượng thanh, tượng hình thể hiện việc đột nhiên nhận ra, cảm thấy và rung động về một điều gì đó. Nguyên tắc số 2, thể hiện yếu tố “Khi nào” là dựa vào các yếu tố “mùa” – điều quan trọng nhất khi làm thơ Haiku nên từ đó mới hình thành từ “quý ngữ” - từ ngữ theo mùa – từ ngữ miêu tả mùa đặc trưng của thơ Haiku. Mặc dù có

quy định là bắt buộc phải có một từ quý ngữ trong thơ haiku nhưng thông thường có thể phân loại thành 4 nhóm sau. Và theo các bạn, từ trong ngoặc đang miêu tả mùa nào?

- 1) 直接季節を示す(春の海、夏に入る、秋の宵)
- 2) 自然現象(残雪、枯れ野、五月晴れ、北風)
- 3) 動物・植物(赤とんぼ、猫の恋、木の芽、もみじ)
- 4) 行事・生活(田植え、こいのぼり、お正月)
 - 1) Miêu tả trực tiếp về mùa (biển vào mùa xuân, vào xuân, chiều thu)
 - 2) Hiện tượng tự nhiên (tuyết cuối mùa, cánh đồng khô héo, nắng tháng năm, gió Bắc)
 - 3) Động vật, thực vật (chuồn chuồn ớt, tình yêu của mèo, mầm cây, lá đỏ)
 - 4) Sự kiện, sinh hoạt (trồng lúa, cò cá chép, Tết)

③の「組み立て」で大切な五七五という音のリズムは、日本語の文の構成や語調に合っているようで、俳句だけでなく、短歌も五七五七七の決まりで詠まれ、諺、歌詞、標語などにも五七五のリズムがよく使われます。また、俳句には「かな」「けり」「や」といった言葉がよく見られますが、これらは「切れ字」と言っており、俳句独特の表現です。切れ字は俳句のリズムにおける休みのようなもので、使っても使わなくてもいいのですが、季語と同じで一つの俳句に1回しか使えません。

「俳句の形式の例」

Nguyên tắc số 3 “cấu tạo” là nhịp điệu âm tiết 5-7-5 rất quan trọng, dường như rất phù hợp với cấu tạo câu và âm điệu trong tiếng Nhật. Không chỉ Haiku mà nguyên tắc 5-7-5-7-7 cũng thể hiện trong Tanka, hay nguyên tắc nhịp điệu 5-7-5 cũng rất hay dùng trong tục ngữ, lời bài hát, biểu ngữ... Mặt khác, bạn cũng có thể thấy rất nhiều từ được gọi là kireji - những từ ngắt giữa các nhịp 5-7-5 trong thơ haiku như “kana” “keri”. Đây là một đặc điểm độc đáo của thơ Haiku. Từ kireji – là từ dùng để ngắt nhịp trong nhịp điệu thơ Haiku, dùng hay không cũng được nhưng nó cũng giống với quý ngữ là chỉ được dùng duy nhất một lần trong bài.

Ví dụ về hình thức bài thơ Haiku:

切れ字 古池や ふるいけ 5	季語 かわず飛び込む 7	水の音 5	松尾芭蕉 まつお ばしょう
季語 雪溶けて 5	村いっぱいの 7	切れ字 子供かな 5	小林一茶 こばやし いっさ

まつおばしょう こばやし いっさ
松尾芭蕉も小林一茶も江戸時代の俳人ですが、彼らの俳句は現在でも広く親しまれていて、多くの日本人が彼らの句をいくつか暗唱できるほどです。芭蕉は現代の俳句の形を作った人で、俳句の中に人生の「わび・さび」の心を表して、俳句を芸術性の高い文学として確立しました。上の句は、山の中の古い静かな池が持つ「わび・さび」と、それに対する新しい命の誕生に感動した気持ちを表しています。一方、一茶は子供や

動物など、小さいもの、弱いものに対する優しい気持ちを詠んだ句が多く、上の句もその一例です。皆さんの心の中には、一茶のこの句からどんな情景が浮かんできますか。一茶のどんな気持ちを感じますか。

Matsuo Basho và Kobayashi Issai đều là những nhà thơ Haiku dưới thời Edo nhưng thơ của họ đến bây giờ vẫn được người đọc yêu mến, đến mức được rất nhiều người Nhật học thuộc nhiều bài thơ của họ. Basho là người đã hình thành phong cách thơ Haiku hiện tại, thể hiện wabi – sabi ý thức đối với cái đẹp của người Nhật “Wabi” là từ chỉ sự “mộc mạc”, còn “Sabi” lại mang ý nghĩa thể hiện sự tĩnh lặng, thanh tịnh. Haiku được định hình và trở thành một thể loại văn học mang tính nghệ thuật cao của Nhật Bản. Câu ở trên hình ảnh ao cỏ tĩnh lặng giữa núi rừng mang yếu tố wabi- sabi, qua đó, tác giả còn thể hiện sự cảm động trước sự ra đời của một sinh mệnh mới. Mặt khác, Issai viết nhiều bài thơ thể hiện cảm xúc thân thiện, tốt bụng đối với trẻ em hay động vật, những vật nhỏ bé hay những kẻ yếu đuối. Và câu thơ trên là 1 ví dụ trong đó. Từ bài thơ haiku trên của Issai, đã gợi tưởng tới các bạn một khung cảnh như thế nào? Và các bạn cảm nhận những rung cảm của Issai ra sao?

俳句は言葉の数が少ないため、理解や解釈が大変難しいと言えます。俳句も含めて詩の解釈というのは、本来個人の感性に頼った自由なものですから、どのように鑑賞してもいいのですが、作者が意図した意味を理解できるかどうかもまた、とても大切なことです。

Thơ Haiku do có số lượng từ vựng rất ít nên có thể cho rằng việc lý giải, phân tích là rất khó. Việc phân tích thơ nói chung và haiku nói riêng là những cảm nghĩ tự do mang tính cá nhân nên bạn có tán thưởng như thế nào cũng được tuy nhiên việc bạn có thể hiểu được những suy cảm của tác giả hay không là điều rất quan trọng.

それでは、俳句は何をもとに、どんなことに注意して鑑賞したらいいのでしょうか。次は俳句を鑑賞するときに、注意すべきです。

Vậy, chúng ta nên căn cứ vào cái gì và chú ý cái gì để cảm nhận thơ Haiku? Và bên dưới là những nội dung cần chú ý khi các bạn viết cảm tưởng về thơ Haiku.

- 1) どんな場所、情景が目に浮かぶか *Bạn hình dung ra trước mắt địa điểm nào, bối cảnh nào?*
- 2) 季節はいつか。それはどの言葉でわかるか
Mùa nào? Và dựa vào từ vựng nào để bạn nhận ra điều đó?
- 3) 作者が見たり、聞いたりしている物事は何か *Sự việc tác giả đã nhìn, nghe là cái gì?*
- 4) 作者はどんなことに感動したと思うか *Tác giả có cảm động về sự việc nào?*
- 5) 作者のどんな気持ちが伝わってくるか *Tác giả đã gửi gắm những tình cảm gì?*
- 6) 作者のどんな性格が表われているか *Bài thơ thể hiện tính cách nào của tác giả?*
- 7) どんなメタファーが使われているか *Tác giả sử dụng phép ẩn dụ nào?*
- 8) 面白い、うまいと思った表現は? *Biểu hiện nào thể hiện sự thú vị và tài ba của tác giả?*

Học tiếng Nhật Cosmos

この鑑賞^{かんしょう}の仕方は、自分で俳句を作る時にも参考になります。日本では、俳句は昔から人気があって老若男女^{ろうにやくなんによ}、様々な人達が俳句を作って楽しんでます。携帯電話^{けいたい}で俳句を送り合って遊ぶ若者もいますし、外国人が日本人以上にすばらしい俳句を発表することもあります。

Các bạn có thể tham khảo cách cảm tưởng này khi tự sáng tác thơ Haiku. Ở Nhật, thơ Haiku từ ngày xưa đã rất được yêu thích, già trẻ gái trai và rất nhiều người đã rất hào hứng sáng tác thơ Haiku. Có nhiều người trẻ khi đã sử dụng thể thơ haiku để nhắn tin tán gẫu trên điện thoại di động và cũng có trường hợp người nước ngoài công bố những bài thơ Haiku tự sáng tác còn hay hơn cả người Nhật.

皆さんもこれを機会に、いろいろな俳句を鑑賞^{かんしょう}してみてもどうでしょうか。そして、自分でも作ってもませんか。「世界—短い詩」の面白さを味わうことで、日本語を学ぶ喜びや楽しみがまた一つ増えると思います。

Nhân dịp này, các bạn thử bình thơ Haiku thật nhiều và hơn nữa bạn thử tự làm thơ Haiku xem sao nhé! Thông qua việc trải nghiệm sự thú vị của “thể thơ ngắn nhất thế giới” này, các bạn cũng có thể thêm một niềm vui khi học được tiếng Nhật đó.

COSMOS JAPANESE